

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHẠM VĂN ĐỒNG
KHOA SỬ PHẠM TỰ NHIÊN

BÀI GIẢNG
ĐỊA LÝ DU LỊCH



ThS. LÊ ĐÌNH PHƯƠNG

Quảng Ngãi, tháng 7/ 2018

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....	Trang 3
PHẦN I: CƠ SỞ ĐỊA LÝ DU LỊCH	
Chương 1: ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	
1.1. Đối tượng, nhiệm vụ của Địa lý du lịch.....	4
1.2. Phương pháp và công cụ nghiên cứu Địa lý du lịch.....	5
Chương 2: CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH.	
2.1. Hệ thống lãnh thổ du lịch	9
2.2. Tài nguyên du lịch.....	10
2.3. Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật.....	44
Chương 3: TỔ CHỨC LÃNH THỔ DU LỊCH	
3.1. Quan niệm về hệ thống lãnh thổ du lịch	63
3.2. Hệ thống phân vị trong phân vùng du lịch.....	68
3.3. Hệ thống chỉ tiêu trong phân vùng du lịch	71
3.4. Phương pháp phân vùng du lịch	75
Phần 2: ĐỊA LÝ DU LỊCH VIỆT NAM	
Chương 4: CÁC VÙNG DU LỊCH VIỆT NAM	
4.1. Vùng du lịch Bắc Bộ	80
4.2. Vùng du lịch Bắc Trung Bộ.....	85
4.3. Vùng du lịch Nam Trung Bộ và Nam Bộ	90
4.4. Quy hoạch theo 7 vùng	94
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	98

LỜI MỞ ĐẦU

Địa lý du lịch là môn học nghiên cứu các phân hệ của hệ thống lãnh thổ du lịch bao gồm phân hệ khách hàng, phân hệ tài nguyên du lịch, phân hệ con người cung ứng dịch vụ du lịch, phân hệ cơ sở kỹ thuật và phân hệ điều hành du lịch.

Địa lý du lịch còn cung cấp các kiến thức về hệ thống phân vùng, phân vị trong du lịch, thực trạng và tiềm năng của du lịch Việt Nam; nghiên cứu về tài nguyên, sản phẩm du lịch và các điểm du lịch quốc gia và quốc tế tại vùng du lịch Bắc Bộ, vùng du lịch Bắc Trung Bộ, vùng du lịch Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

Nội dung của tài liệu được biên soạn dựa trên sự phân bố của chương trình Cao đẳng Sư phạm ngành Địa lý của trường Đại học Phạm Văn Đồng (2 tín chỉ) phần tự chọn.

Tài liệu biên soạn có 2 phần 4 chương, cụ thể như sau:

Phần I: Cơ sở địa lý du lịch

Chương 1: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu

Chương 2: Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch

Chương 3: Tổ chức lãnh thổ du lịch

Phần II: Địa lí du lịch Việt Nam

Chương 4: Các vùng du lịch Việt Nam

Với mong muốn có được một tài liệu khả dĩ cho sinh viên tham khảo và hỗ trợ cho quá trình học tập, nó không quá dài dòng và phức tạp. Tuy nhiên, do chỉ là một học phần tự chọn 2 tín chỉ nên tác giả cũng chưa đầu tư thích đáng, chắc chắn sẽ còn thiếu sót, rất mong đồng nghiệp và HSSV góp ý để hoàn chỉnh hơn.

Tác giả

PHẦN I: CƠ SỞ ĐỊA LÝ DU LỊCH

Chương 1: ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU ĐỊA LÝ DU LỊCH

*MỤC TIÊU

- Biết được đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu địa lý du lịch
- Có ý thức và tình yêu môn học.

NỘI DUNG

1.1. Đối tượng, nhiệm vụ của Địa lý du lịch

1.1.1. Đối tượng

Đối tượng nghiên cứu của địa lý du lịch ngày càng phong phú và đa dạng. Nếu từ buổi ban đầu chỉ là địa lý dòng khách thì nay *địa lý du lịch hiện đại nghiên cứu toàn bộ các hợp thành của hiện tượng du lịch trong hệ thống du lịch.*

Đối tượng nghiên cứu tiếp theo của địa lý du lịch là nghiên cứu đánh giá tài nguyên du lịch. Kết quả nghiên cứu này sẽ trả lời cho câu hỏi nảy sinh là tại sao dòng khách chỉ tập trung về một số điểm mà không đến các điểm khác. Nghiên cứu đánh giá bắt đầu bằng nghiên cứu mô tả (định tính và định lượng), sau đó đề có căn cứ thuyết phục trong việc so sánh, các phương pháp lượng hoá được nghiên cứu áp dụng.

Đối tượng nghiên cứu lúc này đã mở rộng đến nghiên cứu đặc điểm nhu cầu du lịch.

Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của địa lý du lịch đã mở rộng thêm một bước nữa là *nghiên cứu đánh giá các hợp phần của hệ thống du lịch hay nói đúng hơn là toàn bộ hệ thống du lịch (hệ thống lãnh thổ du lịch).* Nhiệm vụ to lớn của các nhà địa lý du lịch lúc này là phải xây dựng được quy hoạch về chiến lược khai thác không gian du lịch để vừa thoả mãn nhu cầu cho khách du lịch hiện tại những vẫn đảm bảo thoả mãn nhu cầu đó cho các thế hệ mai sau.

Như vậy đối tượng nghiên cứu của địa lý du lịch hiện nay là *toàn bộ hệ thống du lịch.* Tuy nhiên khác kinh tế du lịch, địa lý du lịch nghiên cứu khía cạnh về sự phân bố không gian của các phân hệ trong hệ thống du lịch và mối tương tác không gian giữa chúng. Đó là sự phân bố của cầu du lịch, sự phân bố của cung du lịch và các dòng khách. Cung du lịch bao gồm tài nguyên du lịch, cơ sở vật chất du lịch, nhân lực trong du lịch... Hiện nay cơ sở vật chất và kỹ thuật du lịch cũng đang dần có thêm chức năng là tài nguyên du lịch vì nó cũng tạo nên sự hấp dẫn du lịch.

1.1.2. Nhiệm vụ

Về mặt lý thuyết, địa lý du lịch được coi là một trong những chuyên ngành quan trọng của du lịch học. Kiến thức về đất nước học và kiến thức về kinh tế là hai mảng kiến thức rất quan trọng của du lịch học. Khối kiến thức về đất nước học như địa lý, lịch sử v.v... trang bị cho người làm du lịch những hiểu biết nền tảng. Có quan niệm cho rằng những kiến thức về văn hoá, địa lý, lịch sử chỉ thực sự cần thiết cho một hướng dẫn viên tương lai, không cần thiết lắm đối với một chủ doanh nghiệp du lịch. Cần tăng cường các kiến thức kinh tế hơn nữa trong chương trình đào tạo cử nhân du lịch. Có lẽ nên xem xét lại quan điểm này. Thứ nhất mọi người đều nhất trí rằng, kinh doanh du lịch có tính đặc thù cao. Đối tượng kinh doanh hay “*hàng hoá*” mà người làm du lịch kinh doanh là giá trị của các nguồn lực tài nguyên của đất nước. Mặt khác, bất cứ một doanh nhân nào muốn kinh doanh thành đạt đều phải nắm vững các nguồn hàng hoá của mình, giá trị của nó thế nào. Nếu nhìn nhận một cách logic như vậy sẽ thấy kiến thức về tài nguyên du lịch mang ý nghĩa kinh tế to lớn. Trong những năm 90 của thế kỷ XX, khái niệm tài nguyên trí tuệ đã được đưa ra một phần nào đã giúp khẳng định thêm quan điểm này.

Địa lý học cung cấp một khối kiến thức to lớn cho các nhà du lịch. Cung cấp thông tin và đánh giá các điều kiện, các nguồn tài nguyên phục vụ mục đích phát triển du lịch, phân tích quan hệ về mặt không gian của hệ thống cấu trúc du lịch, xây dựng chiến lược khai thác hợp lý và tối ưu nguồn tài nguyên là những lĩnh vực được các nhà địa lý quan tâm nghiên cứu. Địa lý du lịch với tư cách là một chuyên ngành của khoa học địa lý đã cũng đang trở thành một bộ phận quan trọng của khoa học du lịch. Một mặt nó góp phần trang bị kiến thức về tài nguyên du lịch, mặt khác, với tư cách là một chuyên ngành của du lịch học, địa lý du lịch sẽ phải nhìn nhận lãnh thổ du lịch trong quan hệ cấu - cung, từ đó giúp định hướng chiến lược phát triển và xây dựng quy hoạch phát triển du lịch.

1.2. Phương pháp và công cụ nghiên cứu Địa lý du lịch

1.2.1. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu là “cách thức” cụ thể hay “công cụ” được sử dụng để nghiên cứu một vấn đề nào đó, nhằm mục đích đi đến kết quả một cách chính xác nhất.

Địa lý du lịch là một môn học khá mới mẻ, nó ra đời trên cơ sở có sự liên thông rất nhiều lĩnh vực khác nhau như địa lý, kinh tế, bản đồ, xã hội học, tâm lý học v.v... Do vậy địa lý du lịch sử dụng phương pháp của nhiều ngành khoa học khác nhau và biến chúng thành phương pháp nghiên cứu của mình. Dưới đây là một số phương pháp điển hình.

a. Phương pháp thu thập và nghiên cứu dữ liệu thứ cấp

Mọi nghiên cứu đều khởi đầu bằng phương pháp thu thập và khai thác dữ liệu thứ cấp. Dữ liệu thứ cấp có thể lấy từ các công trình nghiên cứu được đăng tải trên các tạp chí, được in thành sách, trên internet v.v... Chúng có thể có dưới dạng bài viết, dưới

dạng bản đồ, bảng số liệu hay dưới dạng khác. Lợi thế của phương pháp này là ít tốn kém về tiền bạc, thời gian và sức lực. Chỉ trong một thời gian tương đối ngắn người nghiên cứu có thể có được một cái nhìn khái quát về vấn đề nghiên cứu, những kết quả đã được giải quyết và những vấn đề còn đang tồn tại. Do kế thừa kết quả của các công trình đã nghiên cứu trước nên người nghiên cứu dữ liệu không mất nhiều công sức và kinh phí để nghiên cứu, điều tra. Tuy nhiên phương pháp này có một số hạn chế nhất định. Trước hết đó là sự không nhất quán của các dữ liệu thứ cấp có được. Có thể xảy ra trường hợp nhiều tài liệu khác nhau công bố những thông tin không giống nhau về cùng một vấn đề. Hạn chế thứ hai là các số liệu, dữ kiện không mang tính thời sự. Hạn chế thứ ba là các kết luận, đề xuất, kiến nghị được đưa ra mang tính chủ quan của tác giả nghiên cứu, nhiều khi những điều này không chuẩn xác hay không còn phù hợp với hiện tại. Một hạn chế khác của phương pháp này là nhiều khi không thể cung cấp đầy đủ cho nhà nghiên cứu những thông tin cần thiết. Khi nghiên cứu tài liệu thứ cấp nhà nghiên cứu cần phân loại chúng theo độ tin cậy, theo tính thời sự v.v... để tiện sử dụng.

Kết quả nghiên cứu bằng phương pháp nghiên cứu này là cơ sở để hoạch định cho công tác điền dã (nghiên cứu, điều tra thực địa), cho việc xây dựng kế hoạch phỏng vấn và các phương pháp khác, sẽ được trình bày dưới đây.

b. Phương pháp điền dã (nghiên cứu thực địa)

Nghiên cứu thực địa là quá trình nhà nghiên cứu thu thập, tổng hợp thông tin tại địa bàn nghiên cứu. Về cơ bản đây là phương pháp thu thập thông tin, được gọi là dữ liệu sơ cấp. Chỉ có tấm mình ở tại điểm du lịch mới có thể thấy hết được những giá trị của tài nguyên, mới có thể đề xuất xây dựng được những sản phẩm du lịch hấp dẫn, độc đáo, mới có thể xác định được những sự đa dạng, độc đáo và sự giống khác nhau của từng khu vực. Phương pháp này khá tốn kém thời gian, sức lực và kinh phí. Song nó là công cụ hữu hiệu để bổ sung, chính xác hoá và cập nhật những thông tin còn thiếu hay đã lỗi thời, điểm yếu của phương pháp thu thập nghiên cứu dữ liệu sơ cấp. Trong địa lý du lịch, đây là một trong những phương pháp rất quan trọng. Để công tác điều tra thực địa được hiệu quả, cần tiến hành hoạch định tốt kế hoạch triển khai, chuẩn bị tốt và chu đáo các phương tiện làm việc sao cho phù hợp với địa bàn nghiên cứu. Ngoài những công cụ cần có thông thường của một chuyến đi xa, một bản đồ địa hình và một GPS, một máy ảnh là thiết bị không thể thiếu của phương pháp này trong nghiên cứu địa lý du lịch.

c. Các phương pháp điều tra xã hội học

Trong địa lý học, địa lý du lịch được coi là môn học thuộc khối địa lý kinh tế xã hội. Do vậy phương pháp điều tra xã hội học là phương pháp không thể thiếu được. Nhu cầu, sở thích, sự thoả mãn của các nguồn du khách v.v... cũng là những yếu tố tạo nên hoạt động du lịch, là những tham số của lực hấp dẫn du lịch giữa điểm đến và điểm cấp khách. Những yếu tố này không cố định mà biến đổi thường xuyên, chịu sự tác động trực tiếp và gián tiếp của nhiều nhân tố xã hội như tình hình kinh tế, chính trị, văn hoá của thế giới và khu vực. Phương pháp điều tra xã hội học cho phép tìm thấy những

thông tin cần thiết để điều chỉnh, đưa ra các đề xuất phù hợp. Có nhiều cách tiến hành điều tra xã hội học: điều tra bằng bảng hỏi, điều tra qua điện thoại, phỏng vấn trực tiếp v.v... Mỗi cách đều có ưu, nhược điểm nhất định nên các nhà nghiên cứu thường áp dụng kết hợp các cách này để đạt hiệu quả cao trong nghiên cứu. Tùy theo nội dung của câu hỏi, đối tượng phỏng vấn mà phương pháp này có thể được coi là phương pháp thu thập dữ liệu (sơ cấp) hay phương pháp phân tích dữ liệu.

d. Phương pháp bản đồ

Trong du lịch học, phương pháp bản đồ là phương pháp đặc trưng của địa lý du lịch. Phương pháp này cho phép thể hiện sự phân bố không gian của các phân hệ trong hệ thống lãnh thổ du lịch một cách cụ thể và rõ ràng nhất. Có thể nói bản đồ là α và ω của địa lý du lịch như cách nói của Baranski¹. Phương pháp bản đồ không chỉ đơn giản là thể hiện hiện tượng lên bản đồ mà còn bao gồm nhiều nội dung khác như phân tích, khai thác thông tin và đánh giá hiện tượng trên bản đồ. Ngày nay, bên cạnh bản đồ được in ra trên giấy, *bản đồ số* cũng đã phát huy nhiều tác dụng rất tốt trong nghiên cứu và kinh doanh du lịch. Những phần mềm như MAPINFO, ARCINFO, ILWIS, MAPPER... đã và đang làm cho hệ thống thông tin địa lý GIS trở nên phổ biến hơn trong lĩnh vực nghiên cứu du lịch.

e. Các phương pháp phân tích toán học

Một trong những nhiệm vụ cần giải quyết trong địa lý du lịch là đánh giá tài nguyên, đánh giá mức độ hấp dẫn của điểm đến đối với điểm cấp khách. Việc đánh giá sẽ trở nên thuyết phục hơn nếu bên cạnh các kết quả đánh giá định tính có các kết quả đánh giá định lượng hoặc kết quả đánh giá định tính được lượng hoá. Ví dụ việc xác định các thành phần có ý nghĩa đến sự phân vùng sẽ đỡ phức tạp và nhanh chóng hơn nếu tiến hành trên cơ sở phân tích nhân tố, phân tích tương quan, thiết lập mô hình (phương trình) v.v...

Nên phân biệt phân tích định lượng và lượng hoá các phân tích định tính. Các chỉ tiêu định lượng thường là các số liệu thể hiện trong những đơn vị đo lường cụ thể. Các chỉ tiêu này có thể dùng làm cơ sở để so sánh đối tượng nghiên cứu này với các đối tượng nghiên cứu khác, kể cả với các đối tượng được nghiên cứu bởi các học giả khác nhau. Lượng hoá các đặc tính định tính có mục đích hướng tới các sử lý, phân tích toán học để tăng tính khách quan của kết quả nghiên cứu. Thông thường việc phân tích định tính phụ thuộc rất nhiều vào kiến thức, kinh nghiệm của nhà nghiên cứu, vào mục đích cụ thể của việc đánh giá, thậm chí phụ thuộc vào đặc điểm của khách thể, đối tượng nghiên cứu và ngoài ra còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nữa. Bên cạnh đó nó còn phụ thuộc vào mô hình đánh giá sẽ áp dụng. Như vậy kết quả đánh giá chỉ có thể dùng để so sánh các đối tượng đánh giá được dùng chung một thang điểm, một mô hình (phương trình). Khó có thể dùng kết quả đánh giá đối tượng nghiên cứu trong công trình này để so với kết quả đánh giá đối tượng khác trong một công trình khác

¹ Nhà địa lý kinh tế Liên Xô

hay của học giả khác. Tuy nhiên trong tương lai, với việc ứng dụng tin học, hy vọng rằng có thể phần nào khắc phục được nhược điểm này.

1.2.2. Công cụ nghiên cứu

Máy ảnh, GPS, máy tính cá nhân, bản đồ địa hình, các phần mềm phân tích thống kê như Statistics, SPSS, các phần mềm của GIS... là những công cụ rất cần thiết phục vụ việc nghiên cứu địa lý du lịch. Nhưng phương tiện hữu hiệu này đã góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển của địa lý du lịch trong giai đoạn hiện nay.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày đối tượng, nhiệm vụ của địa lý du lịch
2. Trình bày các phương pháp nghiên cứu địa lý du lịch

Chương 2: CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

MỤC TIÊU

- Nắm được các các phân hệ của hệ thống lãnh thổ du lịch
- Nắm được mối quan hệ giữa các phân hệ
- Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến hình thành và phát triển du lịch

NỘI DUNG

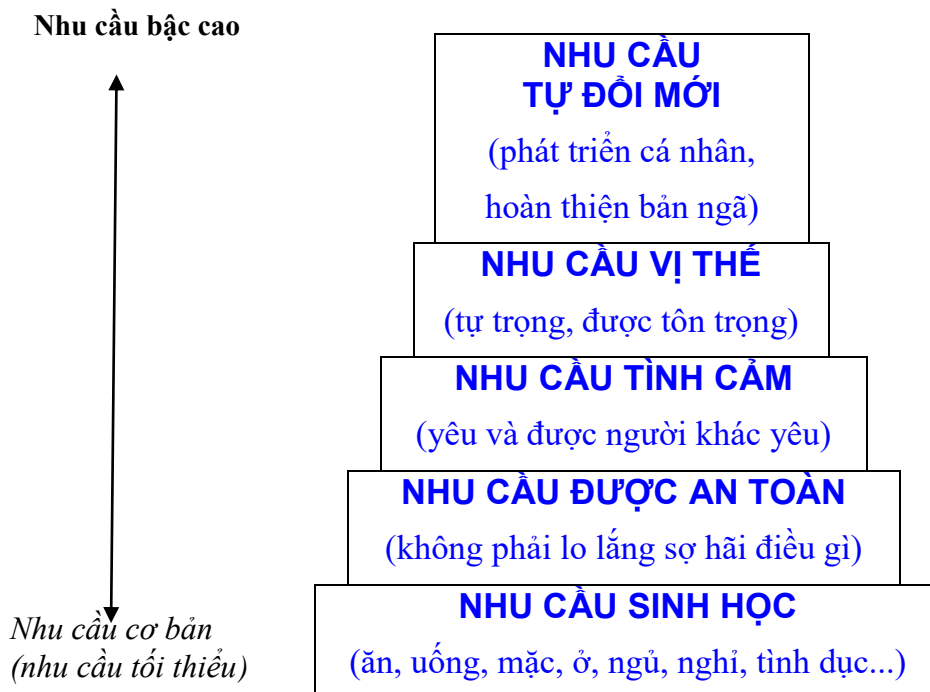
2.1. Hệ thống lãnh thổ du lịch (sẽ trình bày chi tiết ở chương sau)

Hệ thống lãnh thổ du lịch gồm 5 phân hệ:

- **Phân hệ khách du lịch:** là phân hệ trung tâm, quyết định đến những phân hệ khác, phụ thuộc vào đặc điểm khách. Đặc trưng bởi lượng nhu cầu, tính lựa chọn, tính mùa và tính đa dạng khách du lịch.

Maslow đưa ra lý thuyết nghiên cứu nhu cầu con người như sau:

Bậc thang nhu cầu của Maslow



- **Phân hệ tài nguyên du lịch:** là tổng thể tự nhiên và văn hoá tham gia vào hệ thống với tư cách là TNDL và điều kiện để thỏa mãn nhu cầu về TNDL, cơ sở để hình thành hệ thống lãnh thổ du lịch. Phân hệ này có sức chứa, độ tin cậy, tính ổn định, tính hấp dẫn. Gồm TNDL tự nhiên và nhân văn.

- **Phân hệ CSHT và CSVCKT của du lịch:** CSHT của du lịch: đường sá, cầu cống, giao thông đi lại, hệ thống điện nước...

CSVCKT: cơ sở lưu trú KS, nhà nghỉ, nhà hàng, khu vui chơi, bệnh viện...

Phải đảm bảo cho du khách thoả mãn yêu cầu của họ (từ nhu cầu cơ bản ăn ngủ nghỉ đến những nhu cầu nâng cao và bổ sung khác)

- **Phân hệ cán bộ phục vụ:** hoàn thành chức năng dịch vụ cho du khách, đảm bảo cho các xí nghiệp hoạt động bình thường. Đặc trưng cho phân hệ này là số lượng nhân viên, trình độ chuyên môn, mức độ đảm bảo lực lượng lao động...

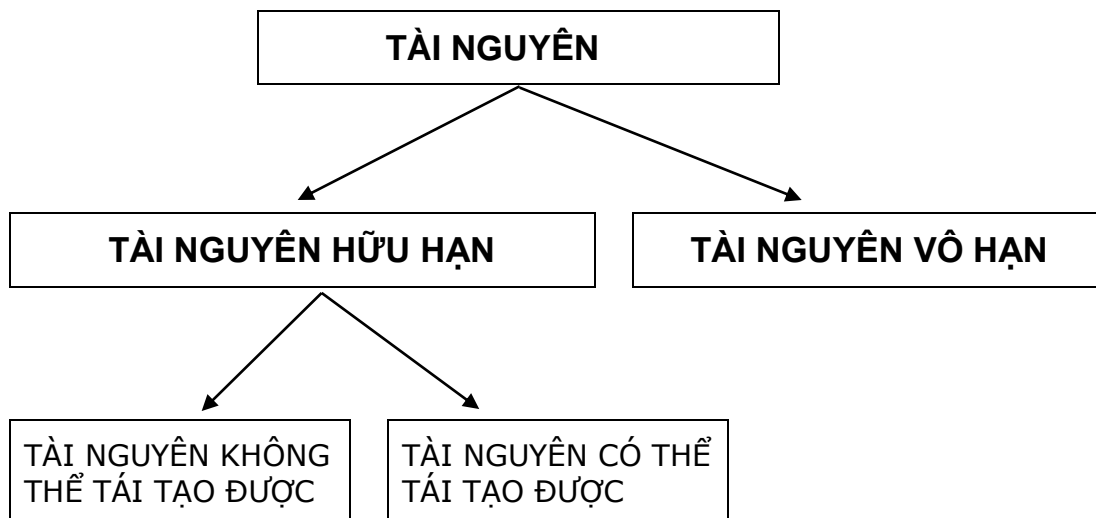
- **Phân hệ các cơ quan điều khiển:** nhiệm vụ giữ cho các hệ thống nói chung, từng phân hệ nói riêng, đây chính là đối tượng nhà cung ứng.

Các phân hệ này có mối quan hệ tương tác lẫn nhau và ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch. Trong phần tiếp theo sẽ chỉ tập trung phân tích một số nhân tố quan trọng.

2.2. Tài nguyên du lịch

2.2.1. Khái niệm về tài nguyên

Tài nguyên là tất cả những nguồn năng lượng, vật chất, thông tin và tri thức được khai thác phục vụ cuộc sống và sự phát triển của xã hội loài người. Đó là những thành tạo hay tính chất của thiên nhiên, những công trình, những sản phẩm do bàn tay khối óc của con người làm nên, những khả năng của loài người... được sử dụng phục vụ cho sự phát triển kinh tế và xã hội của cộng đồng.



Xét về khả năng tái tạo, phục hồi, tài nguyên được chia thành 2 loại. Đó là tài nguyên hữu hạn và tài nguyên vô hạn. Căn cứ vào sự biến đổi của tài nguyên sau khi sử dụng có thể chia tài nguyên hữu hạn thành tài nguyên có thể tái tạo được và tài nguyên không thể tái tạo được. Loại thứ nhất là loại sau khi sử dụng chúng mất đi giá trị ban đầu của mình, không có cách nào, hoặc nếu có thì phải chi phí hơn nhiều lần giá trị thu được từ việc sử dụng chúng. Loại thứ hai là loại tài nguyên sau khi sử dụng chúng không mất đi giá trị ban đầu. Tuy nhiên hai khái niệm này không có ranh giới rõ rệt. Một số tài nguyên được nếu khai thác hợp lí thì có thể là loại có thể tái tạo được, song nếu khai thác bất hợp lí có thể làm chúng cạn kiệt dần, trở thành không thể tái tạo, phục hồi được.

Có loại tài nguyên thể hiện ở chính sự tồn tại vật thể của mình và cũng có loại tài nguyên thể hiện giá trị của mình dưới các dạng phi vật thể như nhiệt năng, cơ năng...

2.2.2. Khái niệm tài nguyên du lịch

Có nhiều định nghĩa khác nhau về tài nguyên du lịch. Tuy nhiên nhiều định nghĩa chưa phản ánh được bản chất của tài nguyên du lịch.

Nguyễn Minh Tuệ & nnk. Địa lý du lịch, Nxb thành phố Hồ Chí Minh. 1997. Trg 33.

Tài nguyên du lịch là tổng thể tự nhiên và văn hoá-lịch sử cùng các thành phần của chúng góp phần khôi phục và phát triển thể lực và trí lực của con người, khả năng lao động và sức khoẻ của họ, những tài nguyên này được sử dụng cho nhu cầu trực tiếp và gián tiếp, cho việc sản xuất dịch vụ du lịch.

Luật du lịch 2006, Điều 4. Mục 4.

Tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên, di tích lịch sử-văn hoá, công trình lao động sáng tạo của con người và giá trị nhân văn khác có thể được sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch

Luật du lịch 2006, Điều 13. Mục 1.

Tài nguyên du lịch gồm tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn đang được khai thác và chưa được khai thác.

Tài nguyên du lịch tự nhiên bao gồm các yếu tố địa chất, địa hình, địa mạo, khí hậu, thuỷ văn, hệ sinh thái, cảnh quan thiên nhiên có thể được sử dụng phục vụ mục đích du lịch.

Tài nguyên du lịch nhân văn gồm truyền thống văn hoá, các yếu tố văn hoá, văn nghệ dân gian, di tích lịch sử, cách mạng, khảo cổ, kiến trúc, các công

trình lao động sáng tạo của con người và các di sản văn hoá vật thể, phi vật thể khác có thể được sử dụng phục vụ mục đích du lịch.

Pirojnik, Nguyễn Minh Tuệ và một số học giả cho rằng tài nguyên du lịch là tổng thể tự nhiên, kinh tế, văn hoá được sử dụng để phục hồi sức khoẻ của con người. Trên cơ sở này các học giả cho rằng địa hình, thuỷ văn, khí hậu, thế giới động thực vật, di tích, lễ hội v.v... là những tài nguyên du lịch. Thế nhưng rõ ràng rằng không phải bất cứ mọi dạng, mọi kiểu địa hình, không phải bất cứ kiểu khí hậu nào v.v... cũng đều có khả năng thu hút khách du lịch, hay nói cách khác không phải tất cả chúng đều có thể được khai thác cho kinh doanh du lịch. Nhiều khi có những kiểu địa hình, thuỷ văn, khí hậu lại là những điều kiện bất lợi, cản trở việc thu hút khách. Ví dụ nếu ở Đà Lạt có khí hậu như ở Vũng Tàu hay ngược lại thì liệu Đà Lạt và Vũng Tàu có tên trên bản đồ du lịch nước ta như hiện nay không? Cũng theo cách hiểu này khó có thể nói được Văn Miếu - Quốc Tử Giám, địa đạo Củ Chi, khí hậu Đà Lạt trở thành tài nguyên du lịch từ bao giờ. Như vậy cái gì làm cho nước khoáng Khánh Hội, Kim Bôi trở thành tài nguyên du lịch? Nếu nước khoáng này chỉ được đóng chai để bán rộng rãi trên thị trường trong và ngoài nước thì nó có thể được coi là tài nguyên du lịch không?

Từ những vấn đề trên có thể thấy được rằng khái niệm tài nguyên trong du lịch có nét khác biệt so với trong các ngành kinh tế khác. Nếu như rừng được coi là tài nguyên vì con người có thể khai thác được từ đây chất đốt, vật liệu xây dựng, nguồn thực phẩm... thì chúng được coi là tài nguyên du lịch vì một lí do hoàn toàn khác. Người ta đến với rừng vì sự trong lành của môi trường, vì muốn hiểu biết thêm về thế giới tự nhiên, vì muốn thử sức mình v.v... Tại sao mọi người đứng mình trước các bức tranh nổi tiếng ở Viện Bảo tàng Ermitage, Louvre hay Viện Bảo tàng Mĩ thuật trong lời giải thích của người thuyết minh. Cái gì làm cho du khách ngẩn ngơ khi đứng trước các công trình kiến trúc lớn hoặc hiện đại như tháp Eiffel, nhà hát opera Sydney, tháp truyền hình Thượng Hải? Rõ ràng rằng mọi người đến tham quan nhà thờ Phát Diệm vì một kiểu kiến trúc nhà thờ kì lạ là chính chứ không phải chỉ thoả mãn nhu cầu tâm linh (nếu có).

Như vậy tài nguyên du lịch là những thành tạo tự nhiên, những tính chất của thiên nhiên, các công trình, sản phẩm do bàn tay hay trí tuệ của con người làm nên cùng các giá trị thẩm mỹ, lịch sử, văn hoá, tâm linh, giải trí, kinh tế... của chúng, có sức hấp dẫn với du khách hoặc được khai thác phục vụ phát triển du lịch.

Từ đây có thể dễ dàng nhận thấy rằng sự tồn tại dưới dạng vật thể của thành tạo thiên nhiên hoặc của các sản phẩm do con người tạo ra chỉ có một ý nghĩa nhất định để chúng được coi là tài nguyên du lịch. Nói một cách khác, không phải sự tồn tại dưới dạng vật thể mà chủ yếu là các giá trị (phi vật thể) đã làm cho các thành tạo tự nhiên, các sản phẩm do con người tạo ra trở thành tài nguyên du lịch.

2.2.3. Đặc điểm của tài nguyên du lịch

2.2.3.1. Đặc điểm chung của tài nguyên du lịch

Tài nguyên du lịch là loại tài nguyên có thể tái tạo được đặc biệt

Trong quá trình khai thác và kinh doanh du lịch, khách du lịch được đưa đến điểm du lịch để họ thẩm nhận tại chỗ những giá trị của thế giới xung quanh, cụ thể là những giá trị của tài nguyên du lịch. Tài nguyên của mỗi loại hình du lịch mang tính đặc thù của chúng. Cho mục đích nghỉ ngơi, điều dưỡng, là các loại nước khoáng, bùn, thời tiết, khí hậu thích hợp cho việc chữa bệnh... Thời kỳ có khí hậu thích hợp, nước, thực vật, địa hình và các thành phần cũng như các đặc điểm của cảnh quan tạo nên hiệu quả phục hồi sức khoẻ. Du lịch thể thao và các cuộc hành trình cần những đặc điểm đặc biệt của lãnh thổ như: những chướng ngại vật (bến đò, đèo, ghềnh, thác...), dân cư thưa thớt và ở cách xa trung tâm... Đối với du lịch tham quan, cần những danh lam thắng cảnh tự nhiên và lịch sử văn hoá, các công trình kinh tế lớn, những ngày lễ dân gian và những thành phần văn hoá dân tộc (trò chơi dân tộc, thủ công mỹ nghệ truyền thống). Những tài nguyên này đã được khách du lịch “tiêu thụ”, song nó hầu như không mất đi giá trị ban đầu.

Tài nguyên du lịch thường thuộc loại tài nguyên có tính đa dụng.

Một số tài nguyên không chỉ là tài nguyên du lịch mà còn là tài nguyên của ngành kinh tế khác. Điều này thường dẫn đến những tranh chấp về trách nhiệm trong công tác quản lý và điều hành khai thác. Có một số ngành việc khai thác tài nguyên sẽ làm cho tài nguyên đó không còn là tài nguyên du lịch nữa. Trong trường hợp này chính quyền phải có quyết định hợp lý, mặc dù nếu để dành tài nguyên đó cho du lịch thì hiệu quả kinh tế trước mắt sẽ không cao bằng để ngành kinh tế khác khai thác. Trong những năm đầu của thập kỷ 90, với chính sách đổi mới, kinh tế nhiều địa phương đã có những chuyển biến rõ rệt. Các tỉnh đã tận dụng tài nguyên sẵn có để xác định thế mạnh của mình. Với nguồn đá vôi phong phú, Ninh Bình đã xác định phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng, cụ thể là xi măng, là một trong những hướng trọng tâm. Một số nhà máy xi măng (lò đứng) đã được khánh thành. Kết quả là một số núi đá vôi trở thành mỏ nguyên liệu cho công nghiệp xi măng. “Vịnh Hạ Long cạn” đã có nguy cơ biến mất!

Tài nguyên du lịch là thành phần cơ bản để tạo nên sản phẩm du lịch, hay nói cách khác nó là yếu tố đặc trưng của sản phẩm du lịch.

Sản phẩm du lịch được hiểu là tất cả những gì du khách được thụ hưởng trong suốt chuyến đi. Sản phẩm du lịch là kết quả của dịch vụ chính (dịch vụ ăn, nghỉ, đi lại), dịch vụ bổ sung (nếu khách có nhu cầu) và dịch vụ đặc trưng. Về cơ bản dịch vụ chính và kể cả dịch vụ bổ sung có trong tất cả các tour du lịch trọn gói. Còn dịch vụ đặc trưng chủ yếu do tài nguyên du lịch quyết định. Tại sao khách du lịch quyết định đi Hạ Long chứ không phải Cửa Lò (và ngược lại)? Lý do cơ bản khi họ quyết định đi Hạ Long là muốn chiêm ngưỡng, thẩm nhận tại chỗ giá trị thẩm mỹ của cảnh quan karst

niệt đới ngập nước điển hình của thế giới chứ không phải là tắm biển như đi Cửa Lò. Chính vì vậy nhiều nhà địa lý gọi các loại hình du lịch là sản phẩm du lịch của từng vùng.²

Tài nguyên du lịch có tính sở hữu chung

Về nguyên tắc, bất cứ công dân nào cũng có quyền được thâm nhập các giá trị do tài nguyên du lịch mang lại. Cũng như vậy việc khai thác tài nguyên là quyền của mọi doanh nghiệp du lịch. Không có doanh nghiệp du lịch nào được độc quyền tổ chức các tour về bất cứ một điểm du lịch nào. “Cộng đồng dân cư có quyền tham gia và hưởng lợi ích hợp pháp từ hoạt động du lịch”³ và Nhà nước ta “đảm bảo sự tham gia của mọi thành phần kinh tế, mọi tầng lớp dân cư trong phát triển du lịch”⁴. Tuy nhiên trong phân cấp quản lý, chính quyền địa phương có tài nguyên có trách nhiệm thay mặt cộng đồng trong việc bảo vệ và điều hành việc khai thác, tôn tạo tài nguyên. Mọi hoạt động khai thác tài nguyên du lịch nằm trong phạm vi điều chỉnh của các luật có liên quan hiện hành. Việc một khu vực tài nguyên du lịch nào đó được ghi vào Danh sách Di sản Thế giới⁵ cũng chứng tỏ rằng đây là tài sản quý giá của cả nhân loại mà nước sở tại có trách nhiệm bảo vệ, gìn giữ cho các thế hệ mai sau.

Tài nguyên du lịch gắn chặt với vị trí địa lý

Đa số các tài nguyên du lịch như cảnh quan thiên nhiên, các di tích lịch sử... đều gắn chặt với vị trí địa lý, không thể di rời được đi nơi khác. Ngay cả thế giới động thực vật, khí hậu, lễ hội, văn hoá truyền thống cũng là hàm số của vị trí địa lý. Hàng năm, những người con xa xứ thường tổ chức Tết Nguyên Đán tại nơi mình đang sinh sống. Cho dù có đủ các điều kiện, đủ các món ăn và các thứ có liên quan được gửi từ quê nhà, song họ vẫn cảm thấy thiếu đi hương vị Tết truyền thống. Do vậy rất nhiều Việt kiều cố gắng thu xếp công việc để về nước “ăn” tết. Đặc điểm này tạo nên sự khác biệt trong kinh doanh du lịch, đó là để bán được sản phẩm du lịch, khách hàng, chứ không phải sản phẩm du lịch, được đưa đến nơi có tài nguyên du lịch.

Tài nguyên du lịch có tính mùa vụ khá rõ rệt

Hầu hết các tài nguyên du lịch đều có đặc điểm này, kể cả tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn. Với tư cách là tài nguyên du lịch, khí hậu phù hợp với du lịch nghỉ biển ở miền Bắc Việt Nam xuất hiện từ tháng Tư đến tháng Tám, khí hậu phù hợp với du lịch trượt tuyết, trượt băng ở các nước phương Bắc là mùa Đông. Lễ hội chỉ diễn ra vào các giai đoạn nhất định trong năm. Ở miền Bắc nước ta, mùa xuân được coi là mùa lễ hội với các lễ hội nổi tiếng như lễ hội Đền Hùng, Cổ Loa, Trường Yên, Sóc Sơn, Đống Đa, Chùa Hương, Yên Tử v.v... Điều này là một trong

² Nguyễn Minh Tuệ, Vũ Tuấn Cảnh, Lê Thông, Phạm Xuân Hậu, Nguyễn Kim Hồng. **Địa lý du lịch**, Nxb thành phố Hồ Chí Minh. 1997. Trg 149, 195, 221 và 222.

³ Luật du lịch, điều 7, mục 1

⁴ Luật du lịch, điều 5, mục 4.

⁵ Xem các mục ở cuối chương này

nhân tố quy định tính thời vụ của hoạt động du lịch nói chung, kinh doanh du lịch nói riêng.

Giá trị của tài nguyên du lịch phụ thuộc vào các yếu tố chủ quan

Điều rất khác biệt của khái niệm tài nguyên trong du lịch và trong các lĩnh vực kinh tế khác là giá trị của nó không chỉ phụ thuộc vào giá trị tự thân mà còn phụ thuộc rất nhiều vào nhà cung ứng du lịch và du khách. Như mọi tài nguyên khác, sự hấp dẫn của tài nguyên du lịch phụ thuộc vào giá trị của bản thân tài nguyên đó. Về phần mình, giá trị tự thân phụ thuộc vào độ lớn, sự phong phú, đa dạng, sự độc đáo, sự tương phản... Một di tích có rất nhiều công trình, một khu rừng có nhiều tầng, một địa hình nhiều núi non tạo nên sự đa dạng và phong phú. Một công trình đương đại đặc sắc, một lễ hội truyền thống, một trò chơi dân gian độc đáo, một cảnh quan hay một công trình độc nhất vô nhị... có sức hấp dẫn rất lớn đối với du khách. Núi cao và vực sâu, sự tương phản giữa núi và nước tạo nên bức tranh sơn thủy hữu tình làm mê hoặc bao nhiêu du khách.

Nếu như yếu tố thứ nhất là đặc điểm chung của mọi loại tài nguyên thì yếu tố thứ hai và thứ ba là yếu tố đặc trưng của khái niệm tài nguyên du lịch. Trong lĩnh vực du lịch, giá trị của tự thân của tài nguyên chỉ là giá trị tiềm ẩn. Nó trở nên hữu dụng khi và chỉ khi được mọi người (khách du lịch và nhà cung ứng) biết đến. Nhà cung ứng có vai trò gì trong việc làm gia tăng giá trị của tài nguyên du lịch? Những hiểu biết của nhà cung ứng, khả năng và nghệ thuật diễn giảng, tình yêu của người làm du lịch và việc tôn tạo tu bổ tài nguyên du lịch có ảnh hưởng đến giá trị tài nguyên mặc dù hầu như không làm thay đổi giá trị tự thân của nó.

Có không ít di tích, công trình đương đại, đặc biệt ở nước ta, có vẻ ngoài khá đơn giản, nhỏ bé, hầu như không hấp dẫn khách qua đường. Song nếu nhà cung ứng, trong đó có hướng dẫn viên du lịch, có những hiểu biết kỹ về ý nghĩa văn hoá, lịch sử, tôn giáo... chắc chắn sẽ làm cho nó có sức thu hút khách du lịch. Tất nhiên nếu hiểu biết đó không được truyền đạt một cách hấp dẫn thì cũng khó có thể thành công. Để làm được điều này, người làm du lịch cần được rèn luyện kỹ năng diễn giảng để có thể chuyển tải được cho mọi người ý nghĩa của tài nguyên bằng tất cả tình yêu, niềm tự hào của mình đối với tài nguyên, đối với truyền thống văn hoá của dân tộc. Điều này cho thấy người làm du lịch thành công trước hết phải là người thật sự có lòng yêu nước. Chỉ có tình yêu với đất nước của mình, chỉ có lòng đam mê, tâm huyết thật sự với nghề nghiệp mới có thể mang lại cho người làm du lịch sự thành công và vinh quang. Phải biến lòng yêu nước thành tình yêu, như vị mặn của máu trong cơ thể chứ không phải là những lời sáo rỗng, giả dối, bêm mép như những kẻ cơ hội.

Kết quả của sự đầu tư, tôn tạo của nhà cung ứng cũng rất có ý nghĩa trong việc làm tăng giá trị của tài nguyên du lịch. Tất nhiên cũng có trường hợp, tại một số nơi, do thiếu hiểu biết hoặc vội vã, việc trùng tu, tôn tạo tài nguyên du lịch (kể cả tài nguyên nhân văn và tài nguyên tự nhiên) đã dẫn đến kết quả ngược lại, làm giảm giá trị của nó.

Đặc điểm tiếp theo tạo nên sự khác biệt của tài nguyên du lịch là giá trị của nó còn phụ thuộc vào khách du lịch. Hiểu biết, trình độ văn hoá, nhận thức, tình cảm, môi trường sống... của khách là những yếu tố góp phần đánh giá giá trị của tài nguyên du lịch. Những người có hiểu biết rộng thường quan tâm đến những đặc điểm chung của tài nguyên, một số tài nguyên du lịch chỉ có thể hấp dẫn những du khách có một trình độ nhất định. Rất thuận lợi cho hướng dẫn viên khi gặp những người khách có cảm tình, trân trọng và đánh giá cao những giá trị của tài nguyên mà họ đang tham quan. Bên cạnh đó môi trường sống của khách du lịch cũng có ý nghĩa đối trong việc tạo nên sự hấp dẫn đối với họ. Ví dụ, bãi biển Sầm Sơn hiện nay mỗi năm đón tiếp gần 500.000 lượt khách, song hầu như không có du khách từ Cửa Lò hay Đồ Sơn. Cũng như vậy rất khó thuyết phục được người dân Mộc Châu đi Mai Châu v.v... Như vậy việc sự hấp dẫn hay giá trị của tài nguyên còn phụ thuộc vào cách nhìn nhận của bản thân khách du lịch.

Ngoài những đặc điểm chung của tài nguyên du lịch, tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn lại có một số nét đặc thù riêng.

2.2.3.2. Đặc điểm của tài nguyên du lịch tự nhiên

Tài nguyên du lịch tự nhiên có khả năng tự phục hồi sau khi khai thác. Đây là đặc điểm của thiên nhiên, nhất là ở nước ta do nằm trong vùng cận nhiệt đới, khả năng tự phục hồi của thiên nhiên, đặc biệt là của động thực vật, khá nhanh chóng. Đây là một trong những điều kiện thuận lợi đối với ngành du lịch. Tất nhiên điều này chỉ có thể xảy ra khi việc khai thác được tiến hành hợp lý, không vượt khả năng tải tự nhiên của điểm du lịch.

Đặc điểm thứ hai của *tài nguyên du lịch tự nhiên là nó thường nằm xa điểm dân cư.* Một mặt nó gây khó khăn cho việc tổ chức hoạt động du lịch, mặt khác nó là một trong những nhân tố làm cho tài nguyên du lịch tự nhiên hấp dẫn do ít chịu ảnh hưởng bởi hoạt động của cư dân.

Điểm thứ ba cần lưu ý là hầu hết *việc khai thác tài nguyên du lịch tự nhiên chịu ảnh hưởng rất nhiều vào điều kiện thời tiết.* Không thể tổ chức các tour về các vùng núi hay đi nghỉ biển vào mùa mưa, bão, không thể tổ chức du lịch tắm biển vào mùa rét; vào mùa kiệt sức hấp dẫn của thác và hồ nước giảm đi rõ rệt v.v...

2.2.3.3. Đặc điểm của tài nguyên du lịch nhân văn

Tài nguyên du lịch nhân văn có thể bị xuống cấp, thậm chí mất đi ngay cả khi không khai thác. Nhiều di tích lịch sử, tôn giáo, văn hoá bị bỏ hoang ngày càng xuống cấp trầm trọng. Những làn điệu dân ca có thể biến mất nếu không được khai thác có hiệu quả.

Điều dễ hiểu khi *tài nguyên du lịch nhân văn thường ở gần điểm dân cư* vì nó được sinh ra trong quá trình phát triển của xã hội, là sản phẩm của xã hội. Khác với tài nguyên du lịch tự nhiên, việc khai thác tài nguyên du lịch nhân văn thường ít chịu ảnh hưởng của điều kiện ngoại cảnh do thời tiết gây nên.

2.2.4. Các yếu tố của tài nguyên du lịch

Khi tiến hành nghiên cứu về tài nguyên du lịch, cần lưu ý phân tích về các yếu tố sau:

1) Trữ lượng (lưu lượng nước khoáng, diện tích lãnh thổ có giá trị du lịch, số giờ có thể khai thác, khả năng chịu tải...)

2) Phân bố (mức độ tập trung, tần xuất xuất hiện trong tour du lịch hay trong vùng, sự gắn kết với đặc điểm địa lý...)

3) Tính mùa vụ (thời điểm và độ dài thời gian có khả năng khai thác trong năm, yếu tố chính gây nên tính mùa vụ...)

Theo Pirojnik, khi đánh giá tài nguyên du lịch cần chú ý đến toàn bộ các chỉ tiêu và có chỉ dẫn rõ ràng khách thể đánh giá (loại tài nguyên, đối tượng, lãnh thổ) và chủ thể đánh giá (loại hình du lịch, chu kỳ hoạt động du lịch, hình thức nghỉ ngơi). Trong địa lý du lịch có 3 kiểu đánh giá tài nguyên du lịch:

1) *đánh giá y-sinh (sinh học)* Kiểu đánh giá này thường được áp dụng khi cần xác định mức độ thuận lợi của môi trường cảnh quan tự nhiên cho việc tổ chức nghỉ ngơi;

2) *đánh giá tâm lý-thẩm mỹ* hay được sử dụng khi cần phân tích đặc điểm tác động về mặt cảm xúc của môi trường tự nhiên tới người đi nghỉ, sự phong phú, đa dạng các đối tượng tự nhiên và lịch sử-văn hoá đối với khách tham quan;

3) *đánh giá kỹ thuật* Kiểu đánh giá này xác định lợi ích của tài nguyên cho việc tổ chức các dịch vụ du lịch - nghỉ dưỡng khác nhau, khả năng hình thành các hệ thống lãnh thổ du lịch chuyên môn và tổng hợp.

Tính chất tổng hợp của các tài nguyên du lịch đòi hỏi phải kết hợp cả ba kiểu đánh giá để xác định được giá trị của tài nguyên, hình thức sử dụng chúng một cách hợp lý. Người ta cũng dự thảo các phương pháp đánh giá kinh tế tài nguyên du lịch, chú ý đến cơ chế tạo lợi nhuận, so sánh chi phí khai thác tài nguyên một loại hình, gắn với hiệu quả kinh tế của dịch vụ du lịch thu được trong lĩnh vực sản xuất vật chất, lượng dịch vụ có sẵn và lợi nhuận nhận được từ việc khai thác tài nguyên du lịch.

2.2.5. Phân loại tài nguyên du lịch

Có nhiều cách phân loại tài nguyên du lịch. Thông thường theo nguồn gốc thành tạo người ta phân loại chúng thành tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn. Một số tác giả gọi tài nguyên du lịch do con người tạo ra là tài nguyên du lịch nhân tạo. Điều này không phù hợp với nghĩa của từ nhân tạo vì không phải bất cứ thứ gì do con người làm ra cũng đều được coi là nhân tạo. Mặt khác, theo định nghĩa vừa nêu về tài nguyên du lịch có thể thấy sự khác biệt cơ bản giữa khái niệm tài nguyên trong du lịch và các lĩnh vực khác là giá trị của chúng. Một số học giả chia thành tài nguyên hữu thể và tài nguyên phi vật thể hoặc tài nguyên hữu hình và vô hình. Quan niệm hữu thể và vô thể, hữu hình và vô hình khá trực giác. Theo họ, những

gì có thể nhìn thấy được, sờ nắm được gọi là hữu thể hay hữu hình, ngược lại là vô thể. Những ví dụ có thể minh họa họ có thể đưa ra về tài nguyên du lịch hữu thể như Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hạ Long, Nhà thờ Phát Diệm; làn điệu dân ca, phong tục tập quán là tài nguyên du lịch vô thể hay phi vật thể. Tuy nhiên, như đã trình bày ở trên, bất cứ một thứ gì chỉ được coi là tài nguyên du lịch khi và chỉ khi nó có sức hấp dẫn du khách hay nói cách khác khi chúng có một giá trị nào đó. Những giá trị này có thể nhận được khi du khách nhìn thấy (giá trị thẩm mỹ, giá trị kiến trúc nghệ thuật...), hoặc sau khi nghe thấy (giá trị lịch sử, giá trị văn hoá...).

2.2.5.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

a. Phong cảnh ngoạn mục

Phong cảnh là tổ hợp các hợp phần tự nhiên (địa hình, lớp phủ thực vật) mà con người có thể nhìn thấy được. Địa hình là tập hợp của vô vàn những thể lồi lõm hoặc tương đối bằng phẳng, phân cách với nhau bởi những đường ranh giới ít nhiều rõ ràng, tức là tập hợp của các dạng địa hình⁶. Như vậy địa hình nói chung không thể là tài nguyên du lịch mà chính giá trị thẩm mỹ của một số dạng địa hình, tạo nên những cảnh đẹp và tạo nên sự hấp dẫn khách du lịch sẽ là tài nguyên du lịch tự nhiên.

Phong cảnh thiên nhiên hấp dẫn khách du lịch bởi những đặc điểm như: sự kỳ thú (mức độ khác biệt của các cảnh quan khu vực du lịch so với khu vực thường trú), tính độc đáo (tần số lặp lại hay không bao giờ lặp lại của các đối tượng và hiện tượng), độ tương phản (núi cao, sông sâu...), sự đa dạng của phong cảnh thiên nhiên ở khu vực... Trong địa lý du lịch có một hướng nghiên cứu đánh giá tổng thể tự nhiên (phong cảnh thiên nhiên) là đánh giá thẩm mỹ. Việc đánh giá này phản ánh kết quả phân tích mối tương quan giữa các nhóm du khách khác nhau (thí dụ như những người ở miền đồng bằng và những người ở miền núi cao) với những tổng thể tự nhiên thông qua đặc điểm kỳ thú của các vùng tự nhiên.

Khi đánh giá thẩm mỹ cảnh quan của khu vực, cần chú ý đến sự biến động theo mùa của thiên nhiên, đặc điểm chia cắt địa hình (chia cắt ngang, chia cắt sâu), độ che phủ rừng, độ ngập nước, đầm lầy, sự phân bố dân cư...

b. Khí hậu phù hợp

Trạng thái khí quyển với tập hợp các hiện tượng, quá trình vật lý quan sát được trong khí quyển tại một thời điểm nhất định gọi là thời tiết⁷. Thời tiết luôn biến đổi theo thời gian và không gian.

Theo Alixop⁸, khí hậu là chế độ thời tiết đặc trưng nhiều năm, được tạo nên bởi bức xạ Mặt Trời, đặc tính của mặt đệm và hoàn lưu khí quyển. Nói một cách khác, khí hậu là trạng thái trung bình của thời tiết.

⁶ Đào Đình Bắc. Địa mạo đại cương, nxb DHQG Hà Nội, 2000, trang 13

⁷ Mai Trọng Thông, Hoàng Xuân Cơ. Giáo trình tài nguyên khí hậu. Nxb ĐHQG Hà Nội, 2000, trang 5.

⁸ Dẫn theo Mai Trọng Thông, Hoàng Xuân Cơ. Giáo trình tài nguyên khí hậu. Nxb ĐHQG Hà Nội, 2000, trang 7.

Các yếu tố chính của khí hậu là bức xạ Mặt Trời, lượng mây che phủ bầu trời, áp suất khí quyển, tốc độ gió và hướng gió, nhiệt độ không khí, lượng giáng thủy, lượng bốc hơi.

Bức xạ Mặt Trời là tổng năng lượng của Mặt Trời đi đến mặt đất. Năng lượng này truyền xuống chủ yếu dưới dạng quang năng, sau đó chuyển hoá thành nhiệt năng và cơ năng. Lượng năng lượng này là nhân tố chính tạo nên thời tiết của Trái Đất. Do Trái Đất có dạng hình cầu nên cường độ bức xạ Mặt Trời ở các nơi không như nhau, tạo nên sự khác biệt về thời tiết. Những vùng vĩ độ thấp nhận được nguồn năng lượng nhiều hơn nên có khí hậu nóng hơn hai vùng cực.

Lượng mây xuất hiện ít hay nhiều trên bầu trời ảnh hưởng đến cường độ bức xạ Mặt Trời đi đến mặt đất. Do vậy đây là một yếu tố quan trọng tạo nên thời tiết của địa phương.

Khí áp là lực tác dụng lên một đơn vị diện tích của trọng lượng cột không khí có chiều cao bằng chiều dày của khí quyển tại một điểm cụ thể nào đó. Khí áp ở vùng núi sẽ nhỏ hơn khí áp của vùng ven biển. Ngoài ra, khí áp còn phụ thuộc vào lượng khí bị dãn nở làm khối lượng riêng của nó tăng hay giảm hơn bình thường trong các điều kiện có gió, bão hay thay đổi nhiệt độ.

Nhiệt độ không khí thể hiện cường độ bức xạ Mặt Trời mà bề mặt Trái Đất tại một điểm cụ thể nhận được. Một trong những yếu tố có tác động đến nhiệt độ là độ hấp thụ nhiệt của bề mặt nhận quang năng. Bề mặt càng tối (sẫm màu) thì tỷ lệ năng lượng dưới dạng quang năng chuyển sang nhiệt năng càng lớn và ngược lại. Nhìn chung nhiệt độ có tác dụng trực tiếp đến các hoạt động sống thường nhật của con người. Nhiệt độ con người cảm thấy dễ chịu nhất vào khoảng 20-25⁰C. Tuy nhiên cảm giác nóng lạnh (dễ chịu hay khó chịu) mà con người cảm nhận thấy còn bị chi phối bởi một yếu tố thời tiết khác đó là độ ẩm.

Độ ẩm cao thường làm cho con người thấy rõ hơn sự thay đổi của thời tiết. Mức độ nóng bức và rét được cảm nhận mạnh hơn rất nhiều nếu độ ẩm không khí cao. Cảm nhận đó gọi là sinh khí hậu. Trên cơ sở đó Copen đã tiến hành nghiên cứu và xây dựng một biểu đồ sinh khí hậu.

Sau này các nhà địa lý đã xây dựng một biểu đồ sinh khí hậu khác tính theo độ ẩm tương đối với đơn vị % thường dùng. Theo biểu đồ này, căn cứ vào nhiệt độ và độ ẩm trung bình các tháng trong năm có thể dễ dàng xác định được khoảng thời gian nào là lúc có điều kiện nhiệt độ và độ ẩm dễ chịu nhất, phù hợp nhất đối với du khách.

Như đã trình bày ở trên, khí hậu tồn tại ở mọi vùng trên Trái Đất. Do vậy khó có thể nói khí hậu là tài nguyên du lịch tự nhiên được. Cũng như địa hình, khí hậu nhìn chung được coi là điều kiện của hoạt động du lịch. Tuy nhiên ở một số nơi, nếu không có điều kiện khí hậu phù hợp không thể triển khai được một số loại hình du lịch cụ thể. Ví dụ Vũng Tàu không thể là một bãi biển nổi tiếng, thu hút hàng triệu khách mỗi năm nếu ở đó có khí hậu như Đà Lạt hoặc Sa Pa. Ngược lại Đà Lạt, Sa Pa sẽ không có tên

trên bản đồ du lịch Việt Nam nếu ở đây có khí hậu nóng như ở Vũng Tàu. Giả sử nước ta có khí hậu ôn đới, quanh năm mát mẻ thì chắc chắn Sa Pa, Đà Lạt... cũng khó có thể thu hút nhiều khách du lịch. Như vậy không phải cứ khí hậu ôn hoà, mát mẻ được coi là tài nguyên du lịch mà phải là có khí hậu phù hợp với loại hình du lịch nào đó.

c. Tài nguyên nước

Đối với đời sống con người, nước là nguồn tài nguyên vô cùng quý giá. Đối với du lịch nước cũng có thể được coi là tài nguyên, đặc biệt là nước mặt và nước khoáng.

Nước mặt là nước tồn tại trên bề mặt Trái Đất trong các sông hồ, biển và đại dương. Ngoài giá trị đối với đời sống con người là cung cấp nguồn nước phục vụ sinh hoạt và phục vụ sản xuất hàng ngày, hệ thống sông ngòi có hai ý nghĩa lớn đối với du lịch. Thứ nhất, nước góp phần tạo nên cảnh quan ngoạn mục, hấp dẫn du khách. Những dòng sông uốn lượn quanh co chảy êm đềm ở các vùng đồng bằng hoặc những thác nước ào ào xối xả ở vùng rừng núi có sức hấp dẫn kỳ lạ đối với khách du lịch từ mọi nơi. Bên cạnh đó, hệ thống sông ngòi còn là điều kiện để phát triển các loại hình du lịch sông nước như du lịch thể thao nước (bơi, tắm, lội...), du lịch trên du thuyền... Hồ nước cũng là một dạng tài nguyên du lịch khá hấp dẫn. Theo các nhà địa mạo học, hồ được hình thành do nhiều nguyên nhân khác nhau. Có thể chia hồ thành các loại: hồ nhân tạo, hồ tiềm thực, hồ móng ngựa, hồ núi lửa, hồ kiến tạo... Mỗi nguyên nhân thành tạo sẽ để lại những dấu ấn nhất định trên hình dạng và đặc điểm của hồ.

Hồ nhân tạo là những hồ được hình thành do sự can thiệp của con người. Thông thường hồ nhân tạo được xây dựng nhằm 2 mục đích chính. Mục đích thứ nhất là trữ nước phục vụ tưới tiêu và sinh hoạt hàng ngày. Thứ hai là trữ nước để khai thác thế năng của chúng trong sản xuất điện năng. Tuy nhiên theo thời gian, giá trị du lịch của chúng ngày càng rõ nét, thậm chí đôi khi người ta quên mất vai trò ban đầu của các hồ này. Đặc điểm của hồ nhân tạo là khá rộng lớn, nhiều “đảo” do các đỉnh núi bị ngập nước tạo thành.

Hồ núi lửa xuất hiện khi núi lửa đã bị “chết”. Hồ núi lửa có miệng hình tròn, độ dốc đáy hồ lớn, dạng hình phễu. Thông thường nước trong hồ rất trong xanh.

Hồ kiến tạo là loại hồ được hình thành do vận động sụt lún của vỏ Trái Đất gây ra. Trong các loại hồ này, cần chú ý đến loại hồ hình thành trên nền đá mẹ là đá vôi. Lớp đá này có nhiều vết nứt, hang ngầm dưới lòng hồ. Những khe nứt này đã làm yếu, đôi khi triệt tiêu lực đẩy của nước trong hồ. Do vậy tắm trong các hồ này rất nguy hiểm, ngay cả đối với người giỏi bơi lội. Ở những hồ này không nên phát triển du lịch tắm lội để tránh hậu quả đáng tiếc xảy ra.

Hồ móng ngựa là loại hồ hình thành sau hiện tượng đổi dòng của sông. Tất cả các con sông đều có dạng miandre (rắn lượn). Khi mùa mưa tới, nhiều đoạn nước không chảy kịp theo lòng sông đã tràn bờ và chảy thẳng xuống nơi thấp hơn. Đoạn cong của sông trở thành một khúc sông “chết”. Các hồ này có hình như một chiếc